TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8-HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/DS-ST
Ngày 23-12-2025
"V/v *tranh chấp di sản thừa kế và xác định quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8-HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Đức –Thẩm phán Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên

-***Các Hội thẩm nhân dân***: Bà Phạm Thị Huệ; Ông Đinh Trọng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thi Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp chia di sản thừa kế, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025 và giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:
Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1986
Địa chỉ: Số C, đường V, phường K, TP Hà Nội

- Bị đơn:
Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957
Địa chỉ: Thôn C, xã D, tỉnh Hưng Yên

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
+ Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1988
Địa chỉ: Ngõ A phố B, phường K, thành phố Hà Nội
+ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1947
+ Chị Nguyễn Thị B1, sinh năm 1981
Đều địa chỉ: Số E, E, ngõ A, phố B, phường K, TP Hà Nội
+ Chị Xuân Thị Kim L, sinh năm 1973
Địa chỉ: Ngõ A, ngách I, phố B, phường K, TP Hà Nội.
+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975
Địa chỉ: Số B, tổ B, Đ, ngõ I, H, phường K, TP Hà Nội.

(*Tại phiên tòa có mặt anh Đ; Bà B và nhưng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Xuân Đ trình bày: ông Nguyễn Văn Ấ và bà Nguyễn Thị B là bố mẹ đẻ anh. Bà B sinh năm 1957 hiện đang sinh sống tại thôn C, xã D, tỉnh Hưng Yên. Ông Ấ sinh năm 1945 chết ngày 08/01/2023. Ông Ấ và bà B không phải là vợ chồng mà hai bên chung sống như vợ chồng từ năm 1985. Ông Ấ có vợ là bà Nguyễn Thị G, ông Ấ và bà G kết hôn từ năm 1970. Giữa ông Ấ và bà G có 03 con chung là Xuân Thị Kim L, sinh năm 1973, Nguyễn Thị T, sinh năm 1975, Nguyễn Thị B1, sinh năm 1981. Do ông Ấ và bà G không có con trai, vì vậy từ năm 1985 ông Ấ chung sống như vợ chồng với bà B và sinh được 03 người con gồm Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1986; Nguyễn Xuân H, sinh năm 1988 và Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1990. Anh T1 đã chết năm 2012, trước khi chết anh T1 không có vợ con. Ngoài 05 người con còn sống nêu trên thì ông Ấ không còn con riêng, con nuôi hợp pháp nào khác. Bố mẹ của ông Ấ đã chết trước khi ông Ấ qua đời. Trong thời gian chung sống, bà B và ông Ấ có tài sản chung là 01 thửa đất, số thửa 230, tờ bản đồ số 39, diện tích 638, 8m^2 (*297m^2 đất ở và 341,8m^2 đất trồng cây lâu năm*), địa chỉ thửa đất: thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. Nay là thôn H, xã D, tỉnh Hưng Yên. Trên đất có 05 gian nhà mái bằng cũ và 02 gian công trình phụ cũ cấp 4 cũ nát. Thửa đất trên do bà B và ông Ấ tạo lập. Ngày 20/5/2015 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị B và Nguyễn Xuân Ấ1.

Ngoài nhà và đất nêu trên, bà B và ông Ấ1 không có tài sản nào khác. Nhà và đất trên hiện do bà B đang quản lý và sử dụng giữ nguyên hiện trạng từ khi ông Ấ1 chết đến nay, thửa đất không thay đổi về diện tích và ranh giới, không có tranh chấp với ai. Do ông Ấ1 chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ về tài sản, vì vậy anh yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Ấ1 là ½ diện tích thửa đất là 319,4m^2 (*148,5m^2 đất ở và 170,9m^2 đất trồng cây lâu năm*) và ½ diện tích nhà trên đất 36,85m^2 cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Ấ1 là 06 người gồm: bà G, chị T, chị B1, chị L, anh H và anh. Do 05 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tặng lại cho anh kỷ phần được hưởng, anh xin nhận và chịu nghĩa vụ án phí theo quy định của pháp luật.

Về cách thức chia anh Đ đề nghị được nhận bằng quyền sử dụng đất vì hiện tại anh chưa có nơi ở. Anh đề nghị chia thửa đất làm 02 phần theo mặt đường giao thông xóm chạy dọc về phía sau, anh nhận quyền sử dụng đất nửa giáp hộ ông S, để bà B được quyền sử dụng nửa còn lại. Tương ứng trên mỗi nửa đất là phần diện tích nhà mái bằng, anh và bà B không yêu cầu toà á giải quyết phần chênh lệch tài sản trên đất.

Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà B xác nhận lời khai của anh Đ trình bày là đúng sự thật. Bà và ông Ấ1 chung sống như vợ chồng từ năm 1985. Quá trình chung sống giữa bà và ông Ấ1 có 03 người con chung gồm Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1986; Nguyễn Xuân H, sinh năm 1988 và Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1990. Anh T1 đã chết năm 2012, trước khi chết anh T1 không có vợ con. Bà và ông Ấ1 có tài sản chung là 01 thửa đất, số thửa 230, tờ bản đồ số 39, diện tích 638, 8m^2 (*297m^2 đất ở và 341,8m^2 đất trồng cây lâu năm*), địa chỉ thửa đất: thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. Nay là thôn H, xã D, tỉnh Hưng Yên. Trên đất có 05 gian nhà mái bằng cũ và 02 gian công trình phụ cũ. Thửa đất trên do bà B và ông Ấ1 tạo lập và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông bà. Ngoài nhà và đất nêu trên, bà và ông Ấ1 không có tài sản chung nào khác. Nhà và đất trên hiện do bà đang quản lý và sử

dụng và giữ nguyên hiện trạng từ khi ông Ấ1 chết đến nay, thửa đất không thay đổi về diện tích và ranh giới, không có tranh chấp. Nay anh Đ khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Ấ1, bà B đề nghị Tòa án xác định ½ diện tích thửa đất và ½ trị giá tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà; ½ phần còn lại thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Ấ1 là di sản thừa kế. Do bà không thuộc hàng thừa kế của ông Ấ1, vì vậy bà không yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Ấ1. Bà không yêu cầu chia trả chi phí tiền công quản lý, bảo quản di sản thừa kế.

Về cách thức chia bà B nhất trí với đề nghị của anh Đ về cách thức chia thửa đất, bà đề nghị được nhận nửa đất giáp thửa đất hộ ông T2, nếu phần đất của bà được nhận mà diện tích nhà mái bằng chênh lệch về giá trị so với diện tích nhà nằm trên đất của anh Đ thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết phần chênh lệch. Ngày 24/11/2025 bà B có đơn đề nghị xin được vắng mặt tại Toà án trong quá trình tố tụng và tại phiên toà sơ thẩm.

Người có quyền lợi và ngĩa vụ liên quan trình bày:

- Anh Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị G, chị Nguyễn Thị B1, chị Xuân Thị Kim L, chị Nguyễn Thị T đều khai thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn và đều đề nghị chia di sản thừa kế của ông Ấ1 là ½ diện tích thửa đất và ½ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Ấ1 gồm bà G, anh Đ, anh H, chị B1, chị L và chị T, đồng thời bà G, anh H, chị B1, chị L và chị T đều đề nghị nhường lại kỷ phần di sản thừa kế được hưởng cho anh Đ được sử dụng, sở hữu và không yêu cầu anh Đ chia trả chênh lệch, anh Đ phải chịu án phí đối với phần được cho. Bà G, anh H, chị B1, chị L và chị T có đơn đề nghị xin được vắng mặt tại tại Toà án trong quá trình tố tụng và tại phiên toà sơ thẩm.

-*Tòa án đã xác minh cơ sở thôn H, thôn C, xã D cung cấp*: Ông Ấ1 và bà B không phải là vợ chồng, giữa ông Ấ1 và bà B có 03 con chung gồm Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Xuân T1 và nguyễn Xuân T1. Anh T1 đã chết từ năm 2012. Thời điểm anh T1 chết anh T1 không có vợ con. Thửa đất, số thửa 230, tờ bản đồ số 39, diện tích 638, 8m^2 (*297m^2 đất ở và 341,8m^2 đất trồng cây lâu năm*), địa chỉ thửa đất thôn H, xã D, tỉnh Hưng Yên thuộc quyền sử dụng của ông Ấ1 bà B. Thửa đất vẫn giữ nguyên hiện trạng không có tranh chấp với hộ liền kề, diện tích đất ở và đất trồng cây lâu năm hỗn hợp không phân định vị trí cụ thể.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Hưng Yên tại phiên tòa phát biểu ý kiến***: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định thửa đất, số thửa 230, tờ bản đồ số 39, diện tích 638, 8m^2 (*297m^2 đất ở và 341,8m^2 đất trồng cây lâu năm*), địa chỉ thửa đất thôn H, xã D, tỉnh Hưng Yên và ngôi nhà mái bằng cũ diện tích 73,7m^2 trên đất là tài sản chung thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Ấ1 bà B. Xác định

quyền sử dụng ½ diện tích thửa đất 319,4m^2 và quyền sở hữu diện tích ½ ngôi nhà 36,85m^2 là di sản thừa kế của ông Â. Xác định hàng thừa kế theo pháp luật của ông Ấ1 gồm: Bà G, anh Đ, anh H, chị B1, chị L và chị T; Xử chia 319,4m^2 đất và diện tích 36,85m^2 ngôi nhà cho 06 đồng thừa kế, mỗi kỷ phần được hưởng là 6,14m^2 nhà ở và 53,23m^2 đất.

Chấp nhận sự tự nguyện của Bà G, anh H, chị B1, chị L và chị T nhường kỷ phần cho anh Đ hưởng và không yêu cầu anh Đ chia trả chênh lệch.

Xử chia và giao cho anh Đ được quyền sử dụng và sở hữu di sản thừa kế của ông Ấ1 là 319,4m^2 đất và diện tích 36,85m^2 ngôi nhà trên đất.

Xác định ½ diện tích đất và nhà ở trên đất còn lại thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà B.

Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí đối với kỷ phần được hưởng và kỷ phần người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhường cho được hưởng. Chấp nhận sự tự nguyện nhận chịu cả tiền thẩm định và định giá tài sản của anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

-Bị đơn có nơi cư trú tại thôn C, xã D, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Ông Nguyễn Văn Ấ là người để lại di sản thừa kế, ông Ấ chết ngày 08/01/2023, ngày 07/5/2025 nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế, căn cứ vào Điều 623 Bộ luật dân sự yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

-Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Ông Nguyễn Văn Ấ, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1947 là quan hệ vợ chồng. Ông Ấ và bà G có 03 con chung là Xuân Thị Kim L, sinh năm 1973, Nguyễn Thị T, sinh năm 1975, Nguyễn Thị B1, sinh năm 1981. Từ năm 1985 ông Ấ chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị B. Ông Ấ và bà ban có 03 con chung là là Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1986; Nguyễn Xuân H, sinh năm 1988 và Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1990. Anh T1 đã chết năm 2012, thời điểm anh T1 chết, anh T1 chưa có vợ con. Ngoài 05 người con còn sống nêu trên ông Ấ không có con đẻ, con nuôi nào khác, bố mẹ đẻ của ông Ấ đã chết trước khi ông Ấ qua đời. Thời điểm ông Ấ chết không để lại di chúc, vì vậy di sản thừa kế của ông Ấ để lại được chia theo pháp luật.

[3] *Về di sản thừa kế của ông Ấ để lại*: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua xác minh thể hiện trong thời gian chung sống với bà B, ông Ấ và bà B có tài sản chung là thửa đất ở, số thửa 230, tờ bản đồ số 39, diện tích 638, 8m^2 (*297m^2 đất ở và 341,8m^2 đất trồng cây lâu năm*), địa chỉ thửa đất: thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. Nay là thôn H, xã D, tỉnh Hưng Yên. Trên đất có 01 nhà mái bằng cũ diện tích 73,7m^2 và 02 gian công trình phụ cấp 4 đã cũ nát, thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị B và Nguyễn Xuân Ấ1 từ ngày 20/5/2015. Quá trình tố tụng các đương sự đều thừa nhận nhà và đất nêu trên là tài sản

thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Ấ1 và bà B. Vì vậy xác định di sản thừa kế của ông Ấ1 để lại là quyền sử dụng, quyền sở hữu ½ diện tích thửa đất và nhà xây trên đất; ½ diện tích nhà và đất còn lại là tài sản và thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà B. Nhà và đất trên hiện do bà B đang quản lý và sử dụng.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất trên diện tích hiện tại là 638, 8m^2. Mặt trước giáp đường giao thông xóm; ba mặt còn lại giáp hộ liền kề. Trên thửa đất có 01 nhà mái bằng cũ 05 gian diện tích 73,7m ^{2} được xây dựng từ năm 1993, ngoài ra còn có 02 gian công trình phụ cấp 4 đã cũ nát và xuống cấp không còn giá trị sử dụng. Qua xác minh cơ sở thôn C, xã D cung cấp thửa đất không có sự xâm lấn tranh chấp, không có sự trao đổi về diện tích với các hộ liền kề và đất giao thông công cộng. Đối với diện tích đất ở và diện tích đất trồng cây lâu năm sen kẽ, không phân định vị trí, vì vậy không phân định được từng vị trí của từng loại đất.

Trị giá di sản thừa kế Hội đồng định giá tài sản xã D đã tiến hành định giá và xác định có giá trị 1.000.000 đồng/1m^2 đất ở (*297m^2 x 1.000.000đồng = 297.000.000đồng*); 600.000đồng/1m^2 đất trồng cây lâu năm (*341,8m^2 x 600.000đồng = 205.080.000đồng*). Nhà mái bằng 73,7m^2 trị giá 30.000.000đồng. Tổng trị giá là: 297.000.000đồng + 205.080.000đồng + 30.000.000đồng = 532.080.000 đồng (*năm trăm ba mươi hai triệu không trăm tám mươi ngàn đồng).* Xác định trị giá di sản của ông Ấ1 là 532.080.000 đồng : 2 = 266.040.000đồng

[4] *Về hàng thừa kế và kỷ phần thừa kế*: Qua các tài liệu thu thập có trong hồ sơ và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều khai thống nhất ông Ấ1 và bà G là vợ chồng hợp pháp và có 03 người con chung gồm chị B1, chị L, chị T. Ông Ấ1 và B không phải là vợ chồng, ông Ấ1 và bà B có 03 người con gồm anh Đ, anh H và anh T1. Anh T1 chết năm 2012, anh T1 không có vợ con. Bố mẹ ông Ấ1 đã chết. Như vậy thời điểm mở thừa kế thì hàng thừa kế được xác định 06 người gồm: bà G, chị B1, chị L, chị T, anh Đ, anh H. Do ông Ấ1 không để lại di chúc vì vậy di sản thừa kế được chia theo quy định pháp luật thành 06 kỷ phần bằng nhau. Trị giá mỗi kỷ phần được hưởng là 6,14m^2 nhà ở và 53,23m^2 đất = 44.340.000đồng.

[5] *Xét yêu cầu của các đương sự và cách thức chia và giao di sản thừa kế*: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh Đ và bà B đều đề nghị được nhận bằng quyền sử dụng đất vì hiện tại không còn chỗ ở nào khác. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều đề nghị nhường lại kỷ phần mình được hưởng cho anh Đ được sử dụng và sở hữu, anh Đ nhất trí nhận kỷ phần thừa kế do những người có quyền lợi liên quan nhường cho và nhận chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét thấy sự thỏa thuận giữa anh Đ và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, vì vậy cần chấp nhận.

Như vậy xác định anh Đ được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của ông Ấ1 là ½ diện tích thửa đất và ½ diện tích nhà trên đất. Quá trình tố tụng anh Đ và bà B đều đề nghị chia thửa đất thành hai phần theo chiều dọc từ đường giao thông xóm về phía sau. ½ diện tích thửa đất là di sản thừa kế của ông Ấ1 giao cho anh Đ được sử dụng, nửa diện tích còn lại thuộc quyền sử dụng của bà B. Anh Đ và bà B nhất trí để anh Đ được quyền sử dụng nửa diện tích đất giáp hộ ông S tương ứng với 56,4m2 nhà mái bằng trên đất; bà B được quyền sử dụng nửa đất còn lại giáp hộ ông T2 tương ứng 17,3m2 nhà mái bằng trên đất. Bà ban không yêu cầu anh Đ chia trả trị giá chệnh lệch nhà ở trên đất. Xét thấy nguyện vọng của các đương sự là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận

yêu cầu, cần xử chia và giao cho anh Đ được quyền sử dụng, sở hữu toàn bộ di sản thừa kế của ông Ấ1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] *Đối với chi phí tiền công quản lý, bảo quản di sản thừa kế:* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa Ban không yêu cầu, vì vậy Tòa án không xét.

[7] *Về án phí*: Anh Đ phải chịu án phí dân có giá ngạch đối với kỷ phần của anh được hưởng và phần người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhường cho được hưởng.

[8] *Về chi phí định giá và thẩm định*: Anh Đ nhận chịu tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản (*anh Đ đã nộp xong số tiền trên*).

[9] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 266, 271, 273; khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27 Luật Đất đai 2024; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Xuân Đ.

-Xác định thửa đất, số thửa 230, tờ bản đồ số 39, diện tích 638, 8m^2 (*297m^2 đất ở và 341,8m^2 đất trồng cây lâu năm*), địa chỉ thửa đất: thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. Nay là thôn H, xã D, tỉnh Hưng Yên và nhà mái bằng 73,7m ^{2} xây dựng trên đất là tài sản chung thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Nguyễn Văn Ấ và bà Nguyễn Thị B.

- Xác định quyền sử dụng ½ diện tích thửa đất 319,4m^2 (*148,5m^2 đất ở và 170,9m^2 đất trồng cây lâu năm*) và quyền sở hữu diện tích ½ ngôi nhà 36,85m^2 là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ấ. Trị giá di sản thừa kế là 266.040.000đồng (*hai trăm sáu mươi sáu triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng).*

-Xác định hàng thừa kế của ông Ấ là 06 người: bà Nguyễn Thị G chị Xuân Thị Kim L, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị B1, anh Nguyễn Xuân Đ, anh Nguyễn Xuân H

- Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự: bà Nguyễn Thị G chị Xuân Thị Kim L, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị B1, anh Nguyễn Xuân Đ, anh Nguyễn Xuân H nhường kỷ phần thừa kế tài sản cho anh Nguyễn Xuân Đ được quyền sở hữu, sử dụng và không yêu cầu anh Đ chia trả chênh lệch.

- Xử chia và giao cho anh Nguyễn Xuân Đ được quyền sử dụng và sở hữu di sản thừa kế của ông Ấ là ½ diện tích thửa đất (nửa giáp hộ ông S) của thửa đất, số thửa 230, tờ bản đồ số 39, diện tích 319,4m^2 (*148,5m^2 đất ở và 170,9m^2 đất trồng cây lâu năm*), địa chỉ thửa đất: thôn H, xã D, tỉnh Hưng Yên và 56,4m^2 nhà mái bằng xây dựng trên đất (*Gồm di sản thừa kế của ông Ấ 36,85m^2 và 19,55 m^2 của bà B*). Thửa đất có số đo cạnh giáp mặt đường xóm rộng 11,82m; cạnh giáp hộ ông S dài 26,28m; cạnh giáp hộ ông Đ1 rộng 12,48m; cạnh giáp thửa đất bà B dài 25,60m.

"*Phần đất của của anh Đ được chia có vị trí, diện tích, số đo các cạnh theo sơ đồ kèm theo*"

Xác định nửa diện tích đất còn lại của thửa đất 319,4m^2 (148,5m^2 đất ở và 170,9m^2 đất trồng cây lâu năm) và 17,3m^2 nhà mái bằng xây dựng trên đất thuộc quyền xử dụng và sở hữu của bà B.

"*Phần đất của của bà B có vị trí, diện tích, số đo các cạnh theo sơ đồ kèm theo*"

Bà B không yêu cầu anh Đ chia trả chệnh lệch về giá trị tài sản chệnh lệch nhà ở trên đất.

2. Về án phí:

-Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với trị giá kỷ phần thừa kế được hưởng và phần của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhường lại cho được hưởng là 13.302.000 đồng.

Chuyển số tiền 6.400.000đồng anh Đ đã nộp tạm ứng án phí theo phiếu thu số 0001650 ngày 02/10/2025 thành tiền án phí. Đối trừ số tiền đã nộp anh Đ còn phải nộp 6.902.000đồng tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
-Phòng THADS khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC